

Hải Lăng, ngày 29 tháng 6 năm 2012

*
SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT QUẢNG TRỊ
Số 02 -NQ/HU
C.V Số: 2442
ĐẾN Ngày: 13/7/2012

NGHỊ QUYẾT

**Hội nghị lần thứ 8, BCH Đảng bộ huyện (Khoá XIV)
về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015, định hướng đến 2020**

Ưng Sĩ?
Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khoá XIV (mở rộng), họp vào ngày 29/6/2012, sau khi nghe UBND huyện báo cáo Đề án xây dựng nông thôn mới huyện Hải Lăng giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020, Hội nghị đã thảo luận, nhất trí cao với Đề án và nhấn mạnh những nội dung chủ yếu sau:

Trong những năm qua cùng với những thành tựu đạt được trong sự nghiệp đổi mới của đất nước, nông nghiệp, nông dân, nông thôn của huyện tiếp tục có bước phát triển. Tuy nhiên, sự phát triển này chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế, đang xuất hiện nhiều thách thức như: Nông nghiệp phát triển còn thiếu bền vững, sức cạnh tranh thấp, chuyên gia khoa học công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực còn hạn chế; nông thôn phát triển thiếu quy hoạch, kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ; đời sống vật chất, tinh thần của một bộ phận nhân dân chưa được nâng cao...

Xây dựng nông thôn mới là chương trình cốt lõi để thực hiện Nghị quyết TW7 (Khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, với mục tiêu đẩy mạnh CNH-HĐH; nông thôn có kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội từng bước hiện đại, cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, thương mại dịch vụ theo quy hoạch; bảo đảm môi trường sinh thái; phát triển toàn diện các lĩnh vực của đời sống xã hội nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; giữ vững quốc phòng - an ninh; hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường.

Hiện nay, theo kết quả điều tra, thống kê đối với các xã trong toàn huyện, đối chiếu với Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, thì xã cao nhất là đạt được 8 tiêu chí, xã thấp nhất mới đạt được 2 tiêu chí, cụ thể như sau: (kèm theo Đề án số 302/ĐA-UBND ngày 03/7/2012 của UBND huyện):

- Xã đạt 02 tiêu chí: 01 xã (Hải Thành).
- Xã đạt 03 tiêu chí: 01 xã (Hải Xuân).
- Xã đạt 04 tiêu chí: 07 xã (Hải Vĩnh, Hải Quế, Hải Dương, Hải Thiện, Hải Trường, Hải An, Hải Khê).
- Xã đạt 05 tiêu chí: 02 xã (Hải Thọ, Hải Sơn).
- Xã đạt 06 tiêu chí: 05 xã (Hải Lâm, Hải Chánh, Hải Hòa, Hải Quy, Hải Tân).
- Xã đạt 07 tiêu chí: 01 xã (Hải Phú).
- Xã đạt 08 tiêu chí: 02 xã (Hải Thượng, Hải Ba).

Căn cứ thực trạng nông thôn của huyện và các văn bản quy định, hướng dẫn của cấp trên, BCH đảng bộ huyện xác định mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020 như sau:

I. MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu chung:

Xây dựng huyện Hải Lăng sớm trở thành huyện nông thôn mới trong thời kỳ CNH, HĐH với phương châm "Huy động nguồn lực từ cộng đồng là quyết định, sự tham gia của doanh nghiệp và xã hội là quan trọng, hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước là cần thiết" để thúc đẩy nền kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn được nâng cao; có kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội hiện đại, hình thức sản xuất phù hợp; phát triển nền nông nghiệp bền vững, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với phát triển nhanh công nghiệp, thương mại, dịch vụ theo quy hoạch; tình hình nông thôn ổn định, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng được tăng cường.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Giai đoạn 2011- 2015: Xây dựng 5/19 xã đạt chuẩn nông thôn mới, gồm các xã: Hải Thượng, Hải Phú, Hải Tân, Hải Ba, Hải Lâm.

- Giai đoạn 2016-2020: Phân đầu xây dựng thêm 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đưa số xã đạt chuẩn lên 15 xã, đạt tỷ lệ 79% tổng số xã trong toàn huyện.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới (tiêu chí 1):

- Hoàn thành quy hoạch nông thôn mới 5 xã điểm trước 31/7/2012; 14 xã còn lại hoàn thành trong tháng 9/2012; đồng thời tiến hành xây dựng đề án nông thôn mới.

- Rà soát hiện trạng quy hoạch ở xã, xác định các nội dung quy hoạch cần điều chỉnh, bổ sung, xây dựng mới. Phát triển khu dân cư mới phải dựa trên mối quan hệ chặt chẽ với khu dân cư hiện có, hình thành khu dân cư tập trung nhưng vẫn phù hợp với địa bàn sản xuất và có phương án phòng chống thiên tai; từng bước sắp xếp khu dân cư theo hướng đô thị hóa nông thôn.

2. Đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn:

2.1. Giao thông (tiêu chí 2):

- Xây dựng đồng bộ hệ thống giao thông nông thôn, chất lượng đảm bảo cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản được thuận tiện.

+ Giai đoạn 2011-2015: Nhựa hóa, bê tông hóa mới 21,8km (chiếm 25%) và nâng cấp 6,1km (chiếm 50%) đường trục xã, liên xã (trong đó các xã điểm làm mới 10,5km - đạt 100% theo tiêu chí). Cứng hóa mới 22,94 km (20%), nâng cấp 15,44km (40%) đường thôn, xóm, liên xóm (tr.đ các xã điểm thực hiện 70%: làm mới 8,47km, nâng cấp 4,6km) và cứng hóa mới 47,13km (30%) đường ngõ, xóm

(tr.đ các xã điểm thực hiện 70%: 34,2km); cứng hóa 95,32km (40%) đường trục chính nội đồng (tr.đ các xã điểm thực hiện 70%: 68,8km).

+ Giai đoạn 2016-2020: Tiếp tục nhựa hóa, bê tông hóa mới các trục đường để có thêm 10 xã đạt chuẩn.

- Tăng cường công tác tuyên truyền quán triệt chủ trương, chính sách về công tác phát triển GTNT, nhằm nâng cao nhận thức trong cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể cũng như các tầng lớp nhân dân, để từ đó mỗi người dân thấy được quyền lợi và nghĩa vụ của mình tham gia đóng góp phát triển, xây dựng giao thông nông thôn.

Vận động nhân dân hiến đất, tự giải tỏa tài sản trên đất để mở rộng và làm mới đường giao thông, đường ra đồng ruộng đảm bảo tiêu chuẩn; thực hiện xã hội hoá trong xây dựng và phát triển giao thông nông thôn.

- Tranh thủ nguồn vốn do Trung ương hỗ trợ, vốn các chương trình mục tiêu quốc gia, vốn kiên cố hóa giao thông nông thôn theo NQ của HĐND tỉnh, vốn đầu tư QSD đất, vốn HTX, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư; Đồng thời huy động con em quê hương ở xa, đóng góp của nhân dân và các nguồn vốn khác.

2.2. Thủy lợi (tiêu chí 3):

- Hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi nội đồng đáp ứng tốt nhu cầu tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

+ Giai đoạn 2011- 2015: Kiên cố hóa bằng bê tông 115,6km (chiếm 40%) kênh mương thủy lợi do xã quản lý (tr.đ các xã điểm thực hiện 85%: 98,9km).

+ Giai đoạn 2016 - 2020: Tiếp tục kiên cố hóa số km kênh mương còn lại, phân đầu tất cả các xã có kênh mương đều đạt chuẩn.

- Tiếp tục rà soát hiện trạng hệ thống thủy lợi trên địa bàn để xác định các hạng mục đầu tư và thực hiện phân kỳ theo từng năm, ưu tiên 5 xã điểm.

Tập trung sửa chữa nâng cấp hồ đập, duy tu và phát triển các trạm bơm, kết hợp kiên cố hóa hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng.

- Tranh thủ nguồn vốn TW, vốn KCH kênh mương, vốn trích từ nguồn thủy lợi phí, vốn HTX; huy động đóng góp của hộ xã viên và các nguồn vốn khác.

2.3. Điện nông thôn (tiêu chí 4):

- Nâng tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt 100%. Hoàn chỉnh hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện và đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và phục vụ sản xuất của các tổ chức, cá nhân.

+ Giai đoạn 2011-2015: Cải tạo lưới điện hạ áp nông thôn để tất cả các xã đều đạt tiêu chí.

+ Giai đoạn 2016-2020: Tiếp tục phát triển lưới điện đến các vùng xa trung tâm xã, điện phục vụ sản xuất các trang trại vùng đồi, vùng cát; đồng thời cải tạo lưới điện, đảm bảo an toàn điện ở khu vực xa nguồn.

- Cài tạo, nâng cấp mạng lưới điện, các đường dây do nhân dân góp vốn xây dựng trước đây; tuyên truyền vận động người dân sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện, thí điểm nguồn năng lượng sạch vào sản xuất và sinh hoạt cộng đồng.

Lập kế hoạch và thực hiện cải tạo, đầu tư phát triển mạng lưới điện; kêu gọi đầu tư dự án nhiệt điện tại Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị.

- Nguồn vốn Công ty Điện lực Quảng Trị và các chương trình dự án khác.

2.4. Trường học (tiêu chí 5):

- Tập trung đầu tư cơ sở vật chất cho các trường học để đạt chuẩn quốc gia. Phân đầu đến năm 2015, có trên 40 trường (Mầm non, Tiểu học và THCS) có CSVC đạt chuẩn quốc gia (*chiếm 69%, trong đó các xã điểm 100%*); đến năm 2020 có trên 50 trường đạt chuẩn (*chiếm 85%*).

- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực cho phát triển giáo dục và đào tạo. Xây mới và nâng cấp khoảng 200 phòng học và phòng chức năng, trong đó ưu tiên đầu tư 2 trường mầm non (Hải Ba, Hải Lâm) và 3 trường THCS (Hải Tân, Hải Ba, Hải Lâm) để 5 xã điểm đạt chuẩn vào năm 2015.

- Nguồn vốn sự nghiệp giáo dục hàng năm và huy động các nguồn lực xã hội, các tổ chức từ thiện, các chương trình dự án.

2.5. Cơ sở vật chất văn hóa (tiêu chí 6):

- Xây dựng nhà văn hóa và khu thể thao ở xã và thôn đạt chuẩn, đến năm 2015, trên 80% xã có nhà văn hóa và khu thể thao xã và trên 70% thôn có nhà văn hóa và khu thể thao đạt chuẩn (*trong đó các xã điểm đạt 100%*); đến năm 2020, 100% nhà văn hóa và khu thể thao xã và thôn đều đạt chuẩn.

- Đầu tư xây dựng nhà văn hóa và khu thể thao xã và các thôn. Đối với các xã điểm: Tập trung xây mới 2 NVH và nâng cấp 5 NVH thôn; đầu tư CSVC cho 5 NVH xã để đạt chuẩn.

- Tranh thủ nguồn vốn sự nghiệp văn hóa, nguồn vốn xây dựng thiết chế văn hóa của HDND tỉnh, nguồn ngân sách, tổ chức đấu giá QSD đất, nguồn đóng góp của nhân dân, con em xa quê hương và các nguồn vốn khác.

2.6. Chợ nông thôn (tiêu chí 7):

- Đến năm 2015, mỗi xã có ít nhất 01 chợ dân sinh, trong đó 5 xã điểm đạt chuẩn của Bộ Xây dựng; đến năm 2020 có 15 xã có chợ đạt chuẩn.

- Đầu tư nâng cấp các chợ hiện có và xây dựng thêm chợ mới hoặc các điểm thương mại, dịch vụ ở một số xã nhằm tạo điều kiện thuận tiện trong giao thương hàng hóa.

- Tranh thủ nguồn vốn chương trình mục tiêu của TW, vận động các DN đầu tư xây dựng chợ, nguồn vốn đầu đất của địa phương...

2.7. Bưu điện (tiêu chí 8):

- Tất cả các xã đều có bưu cục hoặc điểm bưu điện hoạt động thường xuyên; internet đến tận 100% thôn.

- Khôi phục lại 5 điểm bưu điện hiện đang tạm ngưng hoạt động. Cùng cố, mở rộng dịch vụ, chấn chỉnh cách thức phục vụ của các điểm bưu điện văn hóa xã. Phát triển đường truyền internet các thôn thuộc 8 xã chưa đạt tiêu chí.

Nguồn vốn: Chủ yếu của ngành Bưu chính - Viễn thông.

2.8. Nhà ở dân cư (tiêu chí 9):

- Đến năm 2015, cơ bản xóa hết nhà tạm bợ, dột nát; đến năm 2020, xóa hết nhà tạm bợ dột nát và tỷ lệ nhà đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng trên 80%.

- Tăng cường tuyên truyền, vận động người dân nâng cao ý thức chấp hành các quy định của nhà nước về lĩnh vực xây dựng nhà ở. Tranh thủ sự hỗ trợ của các tổ chức cá nhân để xây nhà tình nghĩa; hoàn thành kế hoạch xóa 703 nhà tạm cho hộ nghèo.

- Nguồn lực chính là ở các hộ gia đình; tranh thủ các nguồn hỗ trợ các tổ chức, các nhà hảo tâm, các chương trình, dự án, vốn chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ người nghèo về nhà ở theo Quyết định 167...

3. Phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất:

3.1. Thu nhập (tiêu chí 10):

- Tăng thu nhập bình quân đầu người, phấn đấu đến 2015, 5 xã điểm đạt tiêu chí (đạt 1,4 lần so với mức bình quân chung của tỉnh); đến năm 2020, có 15 xã đạt tiêu chí.

- Đẩy mạnh chuyên dịch cơ cấu kinh tế theo hướng chú trọng chất lượng, hiệu quả của ngành nông nghiệp, tập trung phát triển mạnh CN-TTCN và TM-DV. Xây dựng nhiều mô hình kinh tế có giá trị kinh tế cao; khai thác hiệu quả tiềm năng vùng gò đồi, vùng cát, vùng biển. Phát triển mạnh ngành nghề, thực hiện tốt Đề án khôi phục, phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống của huyện.

Chỉ đạo nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế tập thể, củng cố kiện toàn các HTX yếu kém. Đẩy mạnh phát triển trang trại theo hướng có quy mô đạt chuẩn và có hiệu quả kinh tế cao. Phát triển kinh tế hộ gia đình theo hướng đa ngành đa nghề để tăng thu nhập..

Thực hiện tốt các tiêu chí về nông nghiệp, công nghiệp, đầu tư cơ sở hạ tầng cho phát triển kinh tế, đẩy mạnh chuyên dịch cơ cấu lao động trong nông nghiệp, tăng tỷ trọng lao động trong khu vực phi nông nghiệp góp phần nâng cao thu nhập cho dân cư nông thôn.

3.2. Giảm tỷ lệ hộ nghèo (tiêu chí 11):

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm 2,5-3%, phấn đấu đến năm 2015, 5 xã điểm đạt tiêu chí (hộ nghèo dưới 5%), đến năm 2020 trên 15 xã đạt tiêu chí này.

- Thực hiện tốt chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững. Thực hiện có hiệu quả các dự án và chính sách an sinh xã hội đối với người nghèo

3.3. Chuyển dịch cơ cấu lao động (tiêu chí 12):

- Tập trung chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, giảm tỷ lệ lao động trong độ tuổi làm việc thuộc lĩnh vực nông, lâm, ngư bình quân hàng năm từ 3-

5%; phần đầu đến năm 2015, 5 xã điểm đạt tiêu chí (dưới 35%); đến năm 2020, trên 15 xã đạt tiêu chí.

- Phát triển nông nghiệp toàn diện gắn với đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động nông nghiệp, nông thôn. Đẩy mạnh thực hiện các chương trình mục tiêu về CNH-HĐH nông nghiệp và nông thôn. Thu hút mạnh mẽ đầu tư sản xuất kinh doanh vào các cụm CN, TM, DV trên địa bàn. Thực hiện tốt việc chuyển giao các công nghệ sản xuất thuộc các ngành nghề TTCN ở nơi khác về địa phương.

3.4. *Củng cố và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp (tiêu chí 13):*

- Nâng cao hiệu quả hoạt động các HTX trên địa bàn theo Đề án xây dựng hợp tác xã nông nghiệp điển hình tiên tiến giai đoạn 2012-2015.

+ Giai đoạn 2011- 2015: Tiếp tục củng cố các HTX, Tổ hợp tác, phần đầu có 11- 12 HTX điển hình tiên tiến cấp huyện, 9-10 HTX cấp tỉnh, 1-2 HTX cấp TW; đến năm 2015 có khoảng 40% HTX hoạt động mạnh, 50% khá và 10% trung bình.

+ Giai đoạn 2016-2020: Tiếp tục tăng số lượng HTX mạnh, giảm số lượng HTX trung bình.

- Tăng cường công tác tuyên truyền cho cán bộ và nhân dân về các chủ trương của Đảng, nhà nước về kinh tế tập thể, Luật HTX; Xây dựng HTX thực sự là bà đỡ thúc đẩy cho kinh tế hộ gia đình phát triển.

4. Văn hóa, xã hội và môi trường:

4.1. *Giáo dục và đào tạo (tiêu chí 14):*

- Nâng cao chất lượng mọi mặt của lĩnh vực giáo dục - đào tạo.

+ Giai đoạn 2011- 2015: Duy trì phổ cập giáo dục THCS, có 30% xã đạt phổ cập bậc trung học; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học THPT, BTVH và học nghề đạt trên 90%. Đến 2015, tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo đạt 40%, trong đó qua đào tạo nghề 33% (tất cả các xã điểm đều đạt tiêu chí này).

+ Giai đoạn 2016-2020: Tiếp tục duy trì phổ cập giáo dục THCS, trên 90% xã đạt phổ cập bậc trung học; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học THPT, BTVH và học nghề đạt trên 95%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65%, đào tạo nghề 50% .

- Tập trung nâng cao chất lượng, đổi mới phương pháp dạy và học; nâng cao chất lượng quản lý giáo dục. Triển khai có hiệu quả Đề án phổ cập giáo dục bậc Trung học, Đề án phát triển giáo dục huyện và Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2010 - 2020.

4.2. *Y tế (tiêu chí 15):*

- Xây dựng y tế xã đạt chuẩn quốc gia; phát triển mạnh hoạt động y tế cộng đồng; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế. Phần đầu đến năm 2015, có 12 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế (trong đó có 5 xã điểm); tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện đạt trên 90%. Đến năm 2020, có 20

xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế; Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện đạt trên 95%.

- Đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực y tế. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án Xây dựng xã đạt chuẩn quốc gia về Y tế giai đoạn 2012-2015, định hướng đến năm 2020. Thực hiện các biện pháp đồng bộ để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

Đẩy mạnh truyền thông giáo dục sức khỏe, huy động cộng đồng tham gia thực hiện chương trình phòng chống dịch bệnh, phục hồi chức năng, chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em.

4.3. Xây dựng đời sống văn hoá phong phú, lành mạnh (tiêu chí 16):

- Nâng cao chất lượng đời sống văn hoá của người dân và cộng đồng:

+ Giai đoạn 2011- 2015: Có 8-10 xã đạt tiêu chí xã văn hóa nông thôn mới (trong đó có 5 xã điểm); trên 90% làng, thôn; 95% cơ quan, đơn vị và 90% hộ gia đình ở các xã đạt chuẩn văn hóa.

+ Giai đoạn 2016 - 2020: Có trên 15 xã đạt tiêu chí xã VH nông thôn mới; trên 92% làng, thôn; 97% cơ quan, đơn vị và 92% hộ gia đình ở các xã đạt chuẩn VH.

- Nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa thông tin-thể thao, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Tập trung chỉ đạo thực hiện Đề án xây dựng huyện điển hình văn hóa giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020. Nâng cao chất lượng làng văn hóa, gia đình văn hóa.

4.4 Bảo vệ môi trường nông thôn (tiêu chí 17):

- Bảo vệ môi trường xanh - sạch - đẹp.

+ Giai đoạn 2011-2015: Có trên 95% hộ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh; 80% hộ có cơ sở chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường; 85% hộ có đủ 3 công trình (nhà tắm, hố xí, bể nước); 95% cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường; không có các hoạt động gây suy giảm môi trường; chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định. Tất cả các xã điểm đều đạt tiêu chí này.

+ Giai đoạn 2016-2020: Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng công trình bảo vệ môi trường, phấn đấu có 15 xã đạt tiêu chí.

- Xây dựng hệ thống thu gom nước thải, hệ thống xử lý nước thải tập trung. Triển khai quy hoạch các khu vực xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện. Hình thành các tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường, xây dựng hương ước bảo vệ môi trường trong khu dân cư.

Tiếp tục thực hiện tốt Đề án 100% hộ sử dụng nước sạch và hố xí tự hoại, bán tự hoại.

Tăng cường công tác thâm định, tổ chức cam kết bảo vệ môi trường, khuyến khích chủ dự án quan tâm đầu tư các công nghệ sạch, thân thiện môi trường. Thực hiện tốt việc quy hoạch, xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa địa.

5. Nâng cao chất lượng hệ thống chính trị, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội:

5.1. Hệ thống chính trị (tiêu chí 18):

- Tất cả các xã đều có cán bộ đạt chuẩn; xây dựng Đảng bộ xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”; chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể chính trị đều đạt loại Mạnh trở lên.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng và chất lượng của đội ngũ cán bộ đảng viên. Quan tâm công tác phát triển Đảng và nâng cao chất lượng đảng viên. Chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ. Nâng cao năng lực quản lý và điều hành của bộ máy chính quyền các cấp; đẩy mạnh cải cách hành chính. Nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể thông qua việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, gắn với nhiệm vụ chính trị của địa phương. Đặc biệt, phải triển khai thực hiện tốt NQTW4 “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”.

5.2. An ninh, trật tự xã hội (tiêu chí 19).

- Tăng cường Quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị, CTHĐ về quốc phòng, an ninh. Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh. Nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, chủ động phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả làm thất bại âm mưu "DBHB-BLLĐ" của các thế lực thù địch. Giữ vững ổn định chính trị-xã hội và an ninh nông thôn. Nâng cao chất lượng xây dựng cơ sở, cụm an toàn làm chủ sẵn sàng chiến đấu và an toàn về an ninh trật tự. Tăng cường tấn công, phòng ngừa các loại tội phạm, ngăn chặn có hiệu quả các tai nạn, tệ nạn xã hội. Đảm bảo an toàn giao thông.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật để toàn dân chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật. Tăng cường công tác đối thoại với nhân dân. Giải quyết kịp thời các đơn thư khiếu tố. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở và các hoạt động tự quản, hoà giải nhân dân.

III. HUY ĐỘNG NGUỒN VỐN:

1. Phương châm huy động vốn:

Phải khơi dậy và huy động các nguồn lực, nhất là nguồn lực tại chỗ để xây dựng nông thôn mới, với phương châm: “Huy động nguồn lực từ cộng đồng là quyết định, sự tham gia của doanh nghiệp và xã hội là quan trọng, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là cần thiết”.

2. Giải pháp huy động vốn:

Huy động nguồn lực sẵn có trong nhân dân, tranh thủ các chương trình, dự án, nguồn đầu tư từ ngân sách Nhà nước, sự hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp để xã hội hóa trong xây dựng nông thôn mới.

Đối với các dự án Chương trình không hỗ trợ hoặc hỗ trợ một phần thì sẽ lồng ghép vốn ngân sách địa phương, lồng ghép các chương trình, dự án khác, huy động vốn trong dân và vốn tín dụng nhân dân.

Lồng ghép các chương trình, dự án vay vốn khác của Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh và các dự án đầu tư phát triển hiện

đang triển khai. Lập các dự án đầu tư phát triển sản xuất theo các tổ nhóm để vay vốn thông qua hình thức tín chấp.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy Đảng thường xuyên chú trọng đến công tác tuyên truyền, phổ biến, tổ chức học tập, quán triệt các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh, của Huyện để triển khai đến tận cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Tạo được sự đoàn kết thống nhất cao trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo; sự nỗ lực phấn đấu, phát huy nội lực, đặc biệt là ý thức tự giác và nguồn lực của nhân dân; tranh thủ các nguồn lực; khơi dậy tiềm năng và lợi thế sẵn có của địa phương để xây dựng nông thôn mới.

2. Ban Thường vụ Huyện ủy, các Ban Đảng, cấp ủy Đảng cơ sở thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết, định kỳ sơ kết để có biện pháp chỉ đạo kịp thời.

3. UBND huyện và cơ sở tập trung triển khai đồng bộ, điều hành kiên quyết, mạnh mẽ, có cách làm năng động, sáng tạo, chọn bước đi và các giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.


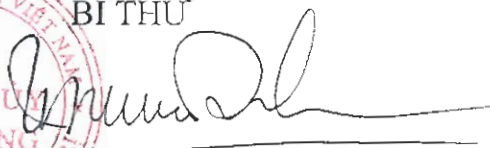
4. Ban chỉ đạo Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới của huyện, UBND huyện chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết về xây dựng nông thôn mới thông qua việc ban hành Đề án, chỉ đạo các cấp, các ngành xây dựng kế hoạch cụ thể hàng năm để thực hiện Đề án; Chỉ đạo các phòng ban liên quan và UBND các xã xây dựng đề án, kế hoạch xây dựng NTM trên địa bàn và hướng dẫn thực hiện theo mục tiêu, tiến độ đề ra. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện và định kỳ có sơ kết, tổng kết.

5. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể từ huyện đến cơ sở phát huy tốt vai trò, chức năng trong việc tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; làm chuyển biến trong nhận thức của đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân về chủ trương xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là phát huy các nguồn lực từ cộng đồng dân cư; thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; phát huy sức mạnh tổng hợp để xây dựng nông thôn mới.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và được phổ biến đến tận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhân dân trong toàn huyện./.

Nơi nhận:

- BTVTU, TTHĐND, UBND tỉnh (b/c);
- BCD NTM của tỉnh (b/c),
- Sở NN-PTNT,
- Đ/c Lương Trung Thông-UVTVTU CT UBMT tỉnh,
- UBND, UBMT huyện,
- BCD NTM của huyện,
- Các cấp ủy đảng trực thuộc,
- Các ban, ngành, đoàn thể cấp huyện,
- Các đ/c HUV,
- Lưu VT.


T/M. HUYỆN ỦY
BÍ THƯ

Trần Ngọc Ánh